

ĐƯA LÍ LUẬN VĂN HỌC VÀO BÀI VĂN

1. Đưa lí luận văn học vào mở bài/ mở đoạn.

a. Mở đoạn:

VD: Mở đoạn phân tích/đánh giá chủ đề bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi) sử dụng nhận định về đặc trưng cảm xúc trong thơ.

“Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh” (Trần Đăng Khoa). Những bài thơ đích thực luôn làm người đọc rung động mãnh liệt và nhớ mãi khôn nguôi. Bài thơ *Lá đỏ* của tác giả Nguyễn Đình Thi là một trong những thi phẩm như vậy. Tác phẩm khiến chúng ta say mê và trân trọng trước cuộc gặp gỡ thú vị ở chiến trường giữa chủ thể trữ tình và người em gái tiền phương, từ đó bài thơ truyền cho người đọc niềm tin vào chiến thắng.

b. Mở bài

VD: Mở bài phân tích đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Lá đỏ* sử dụng nhận định về mối quan hệ giữa hiện thực cuộc sống và thơ ca, kết hợp với nhận định về mối quan hệ giữa nội dung và nghệ thuật trong thơ.

Nhà phê bình văn học người Nga, Bielski từng nói: **“Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật.”** Quả thật một bài thơ có giá trị là khi nó thể hiện được tư tưởng tình cảm của người nghệ sĩ, là khi nó viết lên bằng những dòng thơ, những câu thơ chân thành, bắt nguồn từ thẳm sâu trái tim người viết. Song, nếu muốn thơ là cầu nối giữa tác giả và bạn đọc thì **“nội dung và hình thức luôn thống nhất chặt chẽ với nhau”**. Cho nên Viên Mai cũng viết: **“Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”**. Đến với thi phẩm *Lá đỏ* của tác giả Nguyễn Đình Thi, ta sẽ thấy sự hòa điệu tuyệt vời giữa những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật để làm nên sức hấp dẫn của bài thơ.

2. Đưa lí luận văn học vào phần dẫn dắt nội dung.

a. Đưa lí luận trước khi giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

VD1: **“Văn học là cuộc đời. Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học”** (Tố Hữu). Mỗi nghệ sĩ lớn đều ý thức sâu sắc về mối quan hệ giữa hiện thực và cuộc sống. Hiện thực bao giờ cũng là nguồn cảm hứng bất tận của tâm hồn nghệ sĩ. Và “Tây Tiến” cũng không phải một ngoại lệ. Bài thơ được hình thành và kết tinh từ một nỗi nhớ, nỗi nhớ da diết về những người đồng đội và những ngày tháng, những kỉ niệm không thể nào quên của chính nhà thơ trong đoàn quân Tây Tiến, gắn với vùng đất miền Tây hùng vĩ hiểm trở và thơ mộng.

VD2: Nam Cao từng nói **“Sống đã rồi hãy viết”**, còn Chế Lan Viên **“Hãy biết ơn vị muối của đời để thơ có thêm chất mặn”**. Hiện thực cuộc đời chính là mảnh đất màu mỡ để các nghệ sĩ khai thác. Xuất phát từ chính điều đó, trong những năm tháng hào hùng của cuộc kháng chiến chống..... nhà thơ đã viết nên thi phẩm.....

b. Đưa ra hiểu biết về một số thuật ngữ lí luận văn học

VD1: Khi viết về luận điểm: Tính nhạc trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca* (Thanh Thảo)

Thành công trước hết và cũng là ấn tượng đầu tiên của bài thơ là ở nhạc tính. Tính nhạc của thơ được tạo nên bởi nhiều yếu tố như sự phối vần, phối thanh, cách sử dụng những biện pháp trùng điệp, thể thơ...trong đó nhịp điệu giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Bởi nói như thi sĩ lãng mạn Pháp Lamactin: “Thơ ca, ấy là tiếng hát bên trong; là nhịp điệu của tâm hồn, của trái tim người nghệ sĩ. Chỉ có nắm bắt được nhịp điệu thì mới có thể chạm được đến cái phần sâu nhất của tâm hồn thơ. *Đàn ghi ta của Lorca* là bài thơ giàu nhạc tính, nhạc tính được tạo bởi nhiều yếu tố.

Hoặc có thể dẫn dắt:

Bàn về tính nhạc trong thơ tác giả Trần Thiện Thanh cho rằng: ***“Thi nhân phổ nhạc cho thơ, tiếng thơ vang ngân trong không gian, tạo thành các “bước sóng” gõ cửa tâm hồn độc giả”***. Ở bài thơ A, tác giả đã vô cùng khéo léo, linh hoạt trong cách ngắt nhịp khiến người đọc cảm thấy mình đang đứng trước một khúc nhạc chứ không chỉ đứng trước một bài thơ đơn thuần.

VD2: Khi dẫn dắt đến luận điểm Nổi nhớ của Quang Dũng trong bài thơ “Tây Tiến”

“Thơ là chữ nghĩa cũng không phải là chữ nghĩa, là ý thức mà không phải ý thức, là vô thức mà không hẳn vô thức. Thơ đúng nghĩa là sự bộc lộ tận cùng của nhà thơ”. Và “sự bộc lộ” ấy, qua Quang Dũng, hình thành nên “Tây Tiến”. Đến với thi phẩm, ta sẽ cảm nhận được sự bộc lộ tận cùng của thi sĩ chính là nỗi nhớ da diết về thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ và dữ dội....

VD3: Dẫn dắt đến cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Nói với con” của Y Phương.

Tổ Hữu từng nói: ***“Một bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật gan ruột”***. Điều đó được chứng minh qua “Nói với con”, khi Y Phương không viết thơ, mà đó chính là những lời thủ thỉ, tâm tình đầy yêu thương, đầy xúc động của một người cha với đứa con thơ của mình khi nói về vẻ đẹp của những con người trên quê hương mình.

VD4: Dẫn dắt để chuyển sang phần phân tích nghệ thuật

Đúng như Bectó Boret từng quan niệm: ***“Sự phù hợp giữa nội dung và hình thức là nguyên tắc mỹ học cao nhất của văn chương”***. Thật vậy, để có thể tạo nên một nội dung thú vị, độc đáo thì tác giả.... đã xây dựng một hình thức nghệ thuật độc đáo.

Hoặc: Nhà phê bình văn học Nguyễn Đình Thi từng thổ lộ: ***“Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được”***. Có chăng “Sang Thu” của Hữu Thỉnh là một kiệt tác như thế? Càng đọc càng thấy hay, càng đọc càng yêu cuộc sống, yêu tự do hoà bình hơn. Có lẽ nhà thơ đã thành công khi dẫn dắt người đọc “khám phá nội dung” bằng những “phát minh hình thức” để mang đến cho khó tàng thi ca dân tộc một áng thơ “hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài” như thế.

VD5: Dẫn dắt để phân tích ngôn từ thơ, chi tiết thơ:

Ngôn từ là tinh hoa quý giá nhất của người làm thơ. Người làm thơ cũng như kẻ làm vườn vậy, phải chăm chút sao cho vườn hoa ngôn ngữ của mình nở ra những bông hoa đẹp nhất. Thế mới có ý kiến: “Làm thơ là cân một nghìn milligram quặng chữ”. Với ý niệm ấy chữ xứng đáng là nhân tự, là tinh hoa của cả câu thơ.

Thơ là tình cảm, là cảm xúc. Thơ không lấy việc tả làm chính, không cạnh tranh với văn xuôi về lượng chi tiết nhưng thơ không thể không cần đến chi tiết. Có điều chi tiết trong thơ phải là những chi tiết chọn lọc ở mức nghiệt ngã nhất. Nó cần cái tính chất của cuộc sống. Sự chọn lọc này, chủ yếu là sự chọn lọc của trái tim. Chi tiết trong thơ phải là những chi tiết giàu sức biểu hiện nhất, có khả năng rung động được lòng người, gợi được những liên tưởng sâu xa “vai áo bạc quàng súng trường” là thuộc loại những chi tiết như thế.

VD5: Dẫn dắt để đưa ra thông điệp nhân sinh của bài thơ

Nhà thơ Lưu Trọng Lư từng viết trong lời gửi gắm cùng “thư cho em gái” rằng: ***“Thơ không phải chỉ là thơ mà thôi. Thơ còn là “người” nữa. Anh gửi một tâm hồn. Anh gửi em một người. Một người đã sống. Một người biết sống”***. Văn chương nghệ thuật muôn đời đều là câu chuyện đẹp về những con người “đã sống” và ” biết sống” như thế. Với ” Sống” nhà thơ Xuân Quỳnh đã cho ta thấy khát vọng sống và yêu mãnh liệt của một tâm hồn ” biết sống” là như thế nào.

VD6: Dẫn dắt để đánh giá

Bài thơ khép lại, nhưng lại mở ra bao suy nghĩ cho người đọc. Những vần thơ giàu tính triết lý, giàu hình ảnh ấy thật sự là trái tim thi sĩ được bóc ra. Chế Lan Viên đã thực sự hoà trong dòng chảy lịch sử, đã cảm nhận tinh tế tình cảm của con người Tây Bắc, đã sống trong những ngày gian khổ của dân tộc, nên thơ anh cứ như bản nhạc lúc thanh lúc trầm dội vào lòng độc giả. Thơ anh thực sự được cất lên từ vị muối của đời.

3. Đưa lí luận văn học vào kết bài/ kết đoạn.

VD1: Đưa nhận định vào phần kết bài phân tích bài thơ *Tình ca ban mai* (Chế Lan Viên)

Có một nhà văn nước ngoài đã nói: “Tình yêu trong xa cách ví như lửa trong gió. Gió thổi tắt ngọn lửa nhỏ và thổi bùng ngọn lửa lớn”. Tình ca ban mai gợi nên một tình yêu đẹp không hề bị lụi tàn mà trái lại cứ bùng cháy dù cho mưa gió của thời gian. Ai đã một lần sống trong phút giây chờ đợi ngọt ngào, hẳn yêu lắm những vần thơ của Chế Lan Viên. Tuy chỉ nói lời của riêng mình nhưng lại có khả năng “thấu triệu tâm hồn”.

VD2: Kết bài thơ Việt Bắc (Tố Hữu)

Tố Hữu từng quan niệm: “*Một bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột*”, điều đó được chứng minh qua Việt Bắc. Ở đó Tố Hữu không viết thơ mà dùng gan ruột của mình để kí thác một chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc. Khép lại chặng đường dài gian khổ ấy là kỉ niệm, là tình nghĩa là sự “kết tinh hạt mầm cho đời sau hái trái”. Qua đây chúng ta thêm tự hào về thế hệ cha anh, về tinh thần chiến đấu hào hùng, về những chiến công “lừng lẫy năm châu” chấn động địa cầu của dân tộc Việt Nam

4. Bài viết tham khảo vận dụng lí luận vào phân tích thơ

Đề bài: Phân tích bài thơ “Tình ca ban mai” (Chế Lan Viên)

TÌNH CA BAN MAI

Em đi, như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết

Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết

Em về, tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc

Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về

Em ở, trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che

Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya

Tình em như sao khuya
Rải hạt vàng chi chít

Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít

Mai, hoa em lại về...

(*Tình ca ban mai* – Chế Lan Viên)

Bài làm:

1. Mở bài: Vận dụng lí luận văn học về mối quan hệ giữa tình cảm, cảm	Có người đã từng nói: Mỗi tình nhân cũng đồng thời là một thi nhân. Phải chăng vì <i>cảm xúc dạt dào, mãnh liệt của con người khi yêu đã chấp cánh cho những vần thơ bay bổng, lãng mạn!</i> Và cũng phải chăng vì vậy khi nói về tình yêu, <i>người ta thường chỉ đề cập đến xúc cảm mà coi nhẹ lí trí, suy nghĩ</i> , sợ rằng chỉ một chút ý nghĩ tinh táo thôi có thể tiêu tan, lỡ nhịp rung động của trái tim rồi? Thế nhưng có một thi sĩ đã chỉ cho chúng ta thấy rằng: <i>một chút lí trí, một chút</i>
---	---

xúc và lí trí trong thơ	tĩnh táo cũng góp phần làm nên hương sắc riêng. Ấy là Chế Lan Viên với những vần thơ không bốc lên bề mặt mà lắng ở bề sâu : "Tình ca ban mai".
2. Thân bài *Đề tài, nhan đề Vận dụng lí luận về nội dung – hình thức tác phẩm, cội nguồn cảm xúc trong thơ. *Phân tích đoạn mở đầu Vận dụng lí luận về mạch cảm xúc	Nhớ tới Chế Lan Viên, người ta thường nhớ những vần thơ kinh dị từ thuở “Điều tàn”, những vần thơ sám hối từ “Ánh sáng và phù sa” hay “Những bài thơ đánh giặc” trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ ... Thế nhưng như chính Chế Lan Viên tự nói, ông là “tháp Bay-on bốn mặt đầu chỉ có những vần thơ triết luận chính trị. Dù viết không nhiều nhưng thơ về đề tài tình yêu vẫn có vị trí riêng trong sự nghiệp sáng tác của Chế Lan Viên và góp thêm hương sắc mới cho thơ ca viết về tình yêu. Không dào dạt bốc lửa như thơ tình Xuân Diệu, không dè dặt, da diết như thơ tình Nguyễn Bính; không hồn nhiên, sôi nổi khát vọng như thơ tình Xuân Quỳnh..., thơ tình Chế Lan Viên đù cũng rất thành thật, thiết tha nhưng vẫn chứa đựng chất trí tuệ, màu sắc suy tưởng. Ông không đi sâu thể hiện vẻ đẹp rực rỡ của tình yêu trong hình thức biểu hiện của nó mà nặng về biểu hiện cái trầm lắng, cái xao xuyến bên trong. Phải chăng vì vậy ông hay nói về nỗi nhớ tình yêu trong xa cách? Bài thơ “Tình ca ban mai” cũng được khơi nguồn từ những nhưng nhớ của tác giả khi thiếu vắng em bên cạnh. “Tình ca ban mai” – nhan đề bài thơ tuy ngắn gọn nhưng lại gợi biết bao liên tưởng trong lòng độc giả. Phải chăng là bài ca tình yêu trong buổi ban mai hay trong trẻo như không gian ban mai? Có lẽ nên hiểu ở cả hai nghĩa đó. Bởi lẽ bài thơ là khúc ca tình yêu trong không gian và thời gian trong trẻo, kì diệu. Nhà thơ đã nhận ra sự đồng nhất giữa tình yêu và ban mai. Có thể đây là tình yêu thuở ban đầu, hãy còn tinh khiết, tinh khôi như ban mai trong lành? Chính điều đó đã góp phần tạo nên vẻ đẹp về tình yêu lứa đôi rất riêng trong bài thơ này. Có thể thấy rõ bài thơ chia làm hai phần gắn liền với sự hiện của các đại từ nhân xưng “em” ở khúc điệu một và “ta” ở khúc điệu thứ hai. Điều đó phù hợp với sự phát triển của mạch cảm xúc giữa hai khúc điệu thơ. Đọc nhan đề có thể người đọc sẽ nghĩ bài thơ mở đầu bằng thời gian, không gian sớm mai. Thế nhưng Chế Lan Viên lại mở đầu bài thơ bằng hai câu thơ gợi cảnh chiều: "Em đi như chiều đi Gọi chim vườn bay hết" Một sự mở đầu rất khác thường với nhan đề bài thơ. Như vậy, tác giả đã bắt ngay về hiện thực xa cách, hiện thực biệt ly. Cho nên có thể thấy mạch cảm xúc sẽ bao trùm bài thơ là nỗi nhớ tình yêu trong xa cách. Tại sao Chế Lan Viên không viết “Chiều xuống”, “Chiều tàn” mà lại “Chiều đi”? Có lẽ các từ “Chiều xuống”, “Chiều tàn” gợi khoảng thời gian ảm đạm, ứa tàn không phù hợp với màu sắc tình yêu trong trẻo mà nhà thơ muốn thể hiện trong bài thơ này. Cũng gợi ra thời gian chiều phù hợp với các cuộc chia tay muôn đời này nhưng cách nói của Chế Lan Viên thật độc đáo. Có thể em ra đi vào buổi chiều hoặc cũng có thể không nhưng sự ra đi ấy đọng lại trong lòng anh một ấn tượng như “Chiều đi”. Hiện tại là chia xa, lẽ dĩ nhiên nhà thơ sẽ hướng tới tương lai – ngày em về: <i>Em về tựa mai về Rừng non xanh lộc biếc"</i>

***Tính nhạc
trong thơ
(Ngắt nhịp)**

Rồi liên tưởng lại những kỉ niệm ngọt ngào bên em:

*Em ở trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che
Tình em như sao khuya
Rải hạt vàng chi chít"*

Mỗi câu thơ mở đầu một khổ thơ (gồm hai câu và bốn câu) đều ngắt nhịp 2/3:

*Em đi/ như chiều đi
Em về/ tựa mai về
Em ở/ trời trưa ở"
Tình em/như sao khuya"*

Cách ngắt nhịp ấy trong thể thơ ngũ ngôn tạo âm hưởng trầm, buồn vắng, chậm, vừa gợi ấn tượng về sự dài dặc hun hút cách xa, vừa gợi tâm trạng thảng thốt của nhân vật trữ tình khi không có hình bóng em bên cạnh trong cuộc đời. Cứ thế, từng khoảnh khắc thời gian, từng miền không gian cứ trôi đi qua miền tâm tưởng của nhân vật trữ tình và đều gắn với “em”. “Em đi”, “Em về”, “Em ở”, “Tình em” toàn là em, đầy ắp em trong tâm hồn nhân vật trữ tình. Em lấp đầy các dòng thơ, khổ thơ, đoạn thơ. Tác giả so sánh “em” với hàng loạt hình ảnh “chiều”, “mai”, “trưa”, “sao khuya” các hình ảnh so sánh ấy một mặt gợi ra các khoảnh khắc thời gian trong một ngày. Thế là em có mặt mọi lúc. Mặt khác đó cũng là các từ chỉ không gian. Thế là em có mặt khắp mọi nơi. Các hình ảnh đi theo bước chân em đều gặp gỡ ở một điểm rất thú vị. “Chiều”, “mai”, “trời trưa”, “sao khuya” đều chứa ánh sáng, đều là nguồn sáng. Như thế em vừa là hiện thân của thời gian, em vừa là hiện thân của ánh sáng. Có ánh chiều như vương vấn màu nắng nhạt “Mình cây nắng nhuộm bóng chiều không đi”. Có tia nắng ban mai làm cả khu rừng ánh lên sắc xanh. Có ánh nắng “màu xanh che” sáng mát chứ không gay gắt. Có cả ánh sao đêm lấp lánh trên vòm trời. Tất cả đều là em. Em xuất hiện ở nơi nào, nơi ấy có ánh sáng. Cho nên khi em đi, đó là một nỗi cô đơn sâu thẳm, tựa như khu vườn quanh hiu, thưa vắng những cánh chim khi hoàng hôn buông xuống. “Em về”, cả rừng non “xanh lộc biếc”, cảnh sắc hồi sinh, tươi tốt hay chẳng chính tâm hồn anh đang được hồi sinh, dào dạt những xúc cảm tuổi xanh-ngày xanh... Dường như em là linh hồn, là sức sống của tạo vật. Vô tình hay hữu ý, gợi người đọc nhớ tới những vần thơ của Paul Eluard:

*“Em đã đến, bếp lửa tàn lại đỏ
Bóng tối lui sao mọc giữa lạnh lùng
Em đã đến và cô đơn đã bại
Anh có người dẫn dắt ở trên đời".*

Như vậy hàng loạt các hình ảnh so sánh đã tạo nên sự đồng điệu giữa em và thời gian, em và ánh sáng. Sự đồng điệu ấy đã kí thác một chân lý của tình yêu trong nghĩ suy thơ của Chế Lan Viên: không gian vũ trụ không vận hành theo quy luật của tự nhiên mà theo sự hiện diện hay vắng mặt của em. Và đến đây em đã trở thành trung tâm của vũ trụ, là linh hồn, trái tim của anh. Em hiện lên như vàng mặt trời chói loà:

“Thấy em như thấy mặt trời

Chối chang khó ngó, trao lời khó trao"

Bao yêu thương liên tưởng về em rồi sẽ qua đi, đọng lại trong anh lúc này sẽ là cảm giác thiếu vắng em. Cho nên từ đây, bài thơ có sự chuyển đổi mạch cảm xúc đột ngột:

*Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết
Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về
Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya
Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít*

Các hình ảnh "chim bay đi", "bóng chiều"... tạo ra tiếp nối với câu thơ mở đầu. Thế nhưng nếu hai câu thơ: "Em đi như chiều đi Gọi chim vườn bay hết" gọi ra hiện thực xa cách thì ở khúc điệu hai này lại là suy nghĩ của nhân vật trữ tình về sự ra đi của em. Và như thế một cách rất tự nhiên, em đã nhập vào khúc điệu thơ thứ hai này. Đường như mạch thơ đọc lên có sự đối lập. Đã biết "em đi như chiều đi" cả khu vườn sẽ trống trải, quạnh hiu thì sao lại "sợ gì chim bay đi"? Nhân vật trữ tình đang nói với em hay độc thoại với chính mình. Tưởng như một lời nói vu vơ bâng quơ, buột miệng thì nhưng đặt bên cạnh các từ "dù", "vẫn còn" ta có thể hiểu được tâm trạng ấy của nhân vật trữ tình. Có thật lời anh hùng hỏ, tự tin. Chắc chắn là không rồi. Nói không sợ mà vẫn sợ, vẫn lo âu, thấp thỏm. Thế nên phải mạnh lời như vậy để tự trấn an, tự an ủi mình. Mỗi câu thơ cũng như muốn vượt lên chính mình. Ở một bài thơ khác, Chế Lan Viên đã nói trực tiếp cái "sợ" khi phải đối mặt với sự thiếu vắng em:

Hình ảnh thơ

*"Không em anh chẳng qua vườn
Sợ mùi hương ... sợ mùi hương nhắc mình"*

Phải chăng Chế Lan Viên không muốn "hoá đại khờ":

*"Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi hoá đại khờ"*

Như Hàn Mặc Tử? Đó là nỗ lực vượt lên chính mình hay dấu ấn trí tuệ đã in đậm vào hồn thơ ông? Khó có thể có câu trả lời đích đáng, chỉ biết rằng nhân vật trữ tình đang phải một mình chống chọi với nỗi cô đơn vì vắng em, thiếu em. Vậy làm sao anh có thể vượt qua nó? Cứ nhắc đến em hoài? Không - điều đó càng làm nỗi nhớ còn cào da diết. Cho nên Chế Lan Viên tìm đến giải pháp khác. Ấy là cách xưng hô: "ta". "Ta" ở đây đâu chỉ đơn thuần là anh. "Ta" còn là cả sự gắn bó giữa anh và em nữa. Như thế không nói em mà vẫn hiện diện, hơn thế nữa, còn khẳng định được tình cảm đôi ta. Em ra đi nhưng tình em thì ở lại, tình ta vẫn còn. Điều khiến nhân vật trữ tình vượt qua nỗi nhớ em, sự trống trải, cô đơn vì vắng em ấy chính là tình yêu của em, tình yêu của chúng ta. Anh tin tưởng vào "tình ta" vào hạnh phúc sẽ như muôn vì sao "chi chít" trên cảnh trời đêm kia. Đường như các hình ảnh thơ trong khúc điệu này có sự đối lập với khúc điệu mở đầu và trật tự của các hình ảnh thơ cũng đã có sự đảo ngược trong từng khổ thơ. ở trên vì em đi,

chiều đi mà “chim vườn bay hết”, vì em về – mai về nên “rừng non xanh lộc biếc” còn ở đây vì chim bay đi nên “mang bóng chiều bay hết”, vì “lộc biếc” nên mới “Gọi ban mai về”. Điều đó có nghĩa là ở khổ trên, tác giả muốn nhấn mạnh vào vị trí, vai trò của em - em là tất cả. Còn ở khúc điệu này, tác giả lại nhấn mạnh vào tình ta, tình ta sẽ làm hồi sinh tất cả. “Tình ta” cũng là cứu cánh để nhà thơ vượt qua nỗi cô đơn, mong nhớ da diết trong lòng. Xuân Quỳnh ở đâu đó, để vượt qua nỗi nhớ đã “đan áo mong chờ”:

“Khi anh vắng bàn tay em biết nhớ
Lấy thời gian đan thành áo mong chờ
Lấy thời gian em viết những dòng thơ
Để thấy được chúng mình trong cách trở

Vượt qua bằng cách nào, tự an ủi, trấn an, quả quyết như Chế Lan Viên hay đan áo, làm thơ như Xuân Quỳnh đều là một nỗ lực rất lớn của con người khi yêu mà phải xa cách.

Nếu như bài thơ mở đầu bằng hiện thực biệt ly thì kết thúc bài thơ lại là tương tươi sáng:

"Mai, hoa em lại về".

Nhân vật trữ tình hi vọng, mong chờ vào sự trở về chói lọi của em. Hi vọng ấy có xu hướng biến thành một niềm tin, một hiện thực vì "mai" là khoảng thời gian rất gần so với hiện tại. Chỉ một câu thơ năm chữ mà như một lời thông báo hân hoan vui sướng của nhân vật trữ tình: thời gian (mai), đối tượng (hoa em), hành động (lại về). Lời thơ như có gì rất phần chấn, háo hức chờ mong. Chỉ ngày mai nữa thôi là em đã trở về, đã hiện diện bên anh. Nếu ở khúc điệu mở đầu, em hiện lên như sự hoá thân, hiện diện của ánh sáng em là trung tâm của vũ trụ thì trong câu thơ kết thúc bài thơ này, em lại đồng hiện với “hoa”, hoá thân vào “hoa. Tại sao Chế Lan Viên lại không viết “Mai, em yêu lại về dù cách nói đậm thắm, triu mến, thiết tha hơn? Có lẽ là cách nói đó thiên về tình cảm mà phong cách Chế Lan Viên dù là thơ tình cũng nghiêng về trí tuệ. “Hoa em” là cách nói vừa độc đáo, vừa mới lạ, lại đậm chất trí tuệ. Dù ta đã bắt gặp sự liên tưởng về đẹp thiếu nữ với hoa trong các sáng tác thơ ca cổ điển. Nhưng dường như các nhà thơ xưa mới chỉ nói đến “mặt hoa”, “gót hoa”, “lệ hoa” mà chưa ví chính thể “hoa em” như Chế Lan Viên. Thế là em đã trở thành những gì hoàn mỹ nhất, hoàn thiện nhất trong cảm nhận của riêng anh. Bài thơ kết lại bằng mơ ước, bằng niềm tin em sẽ trở về trong ban mai trong lành, tinh khiết, trình khôi, trong tình yêu và sự trân trọng nâng niu của anh. Và như vậy có thể hiểu cả bài thơ là sự chờ đợi cho sự trở về này. Cũng như trong một bài thơ khác, Chế Lan Viên đã dồn nén sự mong nhớ đó trong ba câu thơ để rồi bật tung trong niềm hân hoan ở câu kết bài:

*“Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ
trở về. Nắng sáng cũng mong. Cây
cũng nhớ. Ngõ cũng chờ. Và bướm
cũng thêm màu trên cánh đang bay”*

Mối quan hệ lí trí – cảm xúc trong thơ	Cả bài thơ là một nỗi nhớ dằng dặc, da diết của nhân vật trữ tình. Thế nhưng ta không hề bắt gặp một chữ “nhớ”. Nó khác hẳn với thơ Xuân Diệu, nhớ đến muốn trào dâng ra cả ngoài câu chữ: <i>“Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh Anh nhớ em. Anh nhớ lắm em ơi !”</i> Thơ Chế Lan Viên không phải vì thế mà kém sâu sắc, xúc động. Người ta vẫn thấy nỗi nhớ ẩn hiện sau mỗi dòng thơ, khổ thơ, đoạn thơ. Vì nhớ nên mới nhận ra vị trí của "em" trong trái tim anh. Vì nhớ nên phải tìm mọi cách vượt qua nỗi cô đơn, thiếu vắng em. Và cũng vì nhớ nên mới háo hức đợi chờ, mong mỏi, tin tưởng em về. "Tình ca ban mai" nằm trong số các bài thơ viết về tình yêu trong xa cách của Chế Lan Viên. Thơ tình yêu của Chế - Lan Viên không bộc trực, sôi nổi, mãnh liệt mà sâu sắc, thâm trầm. Ở đây ta bắt gặp sự quyện hoà giữa lí trí và cảm xúc, giữa trữ tình và trí tuệ trong các hình ảnh chất lọc, độc đáo mang dấu ấn một tài năng đạt đến độ tài hoa. Bài thơ dùng nhiều hình ảnh so sánh, ẩn dụ nhưng không gợi cảm giác “sáng choang những vòng vàng, xuyên bạc” đến thô kệch, ít giá trị thẩm mỹ. Trí tuệ mà vẫn đạt đến chiều sâu cảm xúc: hình ảnh thơ đẹp, mỹ lệ mà không khoa trương ấy chính là thành công riêng của bài thơ. Có những bài ông tạo ra sự độc đáo về hình thức đã biểu đạt nỗi nhớ da diết như trong bài "Tập qua hàng". Có những bài ông lại có những suy nghĩ sâu sắc như bài “Cái rét đầu mùa nhớ người đi về phía bắc”: <i>“Một đắp cho em ở vùng sóng bể Một đắp cho mình ở phía không em”</i> "Tình ca ban mai" là bài thơ trung hoà được hai sắc thái đó và đã trở thành bài thơ tình yêu đặc sắc của đời thơ Chế Lan Viên và của thơ ca hiện đại.
3. Kết bài: Vận dụng lí luận về tính phổ quát của văn chương nghệ thuật	Có một nhà văn nước ngoài đã nói: “Tình yêu trong xa cách ví như lửa trong gió. Gió thổi tắt ngọn lửa nhỏ và thổi bùng ngọn lửa lớn”. “Tình ca ban mai” gợi nên một tình yêu đẹp không hề bị lụi tàn mà trái lại, cứ bùng cháy dù cho mưa gió của thời gian. Ai đã một lần sống trong phút giây chờ đợi ngọt ngào, hẳn yêu lắm những vần thơ của Chế Lan Viên: "Mai, hoa em lại về". (Tác giả: THPT Chuyên Phan Bội Châu – Hà Tĩnh)

❧ HẾT ❧